

Bản án số: 76/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2019

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Viết Nguyên

2. Ông Lưu Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị LTT - Sinh năm: 1979

ĐKKHKT: Thôn M, xã T, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Thọ Tiến, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh LKT - Sinh năm: 1974

Trú tại: Thôn M, xã T, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị LTT, vắng mặt anh LKT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2018, bản tự khai ngày 26/12/2018 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị LTT trình bày: Chị và anh LKT kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng kết hôn ngày 07/11/2000 tại UBND xã Y, huyện Yên Định. Trong suốt thời gian chung sống, anh LKT thường xuyên uống rượu say, rồi đánh chửi vợ, con, chị LTT đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở,

sau đó được hàng xóm và gia đình khuyên can, nên đã trở về tiếp tục chung sống với anh LKT. Sau mỗi lần như thế anh LKT không chịu sửa đổi mà còn tiếp tục có những hành động bạo lực với vợ, con, lăng mạ gia đình nhà vợ. Mâu thuẫn kéo dài, do không chịu đựng được nữa nên đến cuối tháng 9/2018, chị và các con phải thuê nhà ở riêng, cắt đứt mọi liên lạc với anh LKT. Chị LTT xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh LKT.

Về con chung: Chị LTT khai vợ chồng có 02 con chung, các cháu tên là H, sinh ngày 30/6/2002 và T, sinh ngày 01/7/2004. Hiện nay các cháu đang ở với chị LTT tại xã Y, huyện Yên Định. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cả 2 cháu và yêu cầu anh LKT cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị LTT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai 03/01/2019 và quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn là anh LKT trình bày: Anh và chị LTT kết hôn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 07/11/2000 tại UBND xã Y, huyện Yên Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên chị LTT cùng 02 con đã bỏ đi khỏi nhà. Thời gian sau đó anh nhiều lần gọi điện cho chị LTT để bảo chị và các con về nhưng cả 3 mẹ con đều không nghe máy. Nay chị LTT làm đơn ly hôn, anh đề nghị Tòa án giúp đỡ khuyên giải để chị LTT về chung sống cùng anh.

Về con chung: Anh LKT xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu H sinh ngày 30/6/2002 và cháu T, sinh ngày 01/7/2004. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị LTT. Tại bản tự khai anh cho rằng không muốn vợ chồng phải ly hôn nên không có quan điểm gì về vấn đề con chung, nhưng đến phiên hòa giải ngày 03/01/2019 anh lại thể hiện nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị LTT cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh LKT xác định vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị LTT vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho vợ chồng ly hôn, đồng thời xem xét giao cả 02 cháu cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh LKT phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng

dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị LTT được ly hôn anh LKT.

Về con chung: Đề nghị giao hai cháu H và T cho chị LTT trực tiếp nuôi dưỡng, anh LKT không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị LTT phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh LKT là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Yên Định, nên việc chị LTT yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Ngày 14/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa chị LTT và anh LKT, anh LKT đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa.

Ngày 05/6/2019, Tòa án mở lại phiên tòa, anh LKT đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh LKT.

[2] Về hôn nhân: Chị LTT và anh LKT kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Định ngày 07/11/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, mặc dù quá trình giải quyết tại Tòa án các bên có cách lý giải về nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau, nhưng qua việc xác minh tại địa phương thì nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do anh LKT thường xuyên uống rượu say, có những hành động chửi bới vợ con, nhiều lần chị LTT đã đến báo cáo công an giải quyết nhưng anh LKT vẫn không thay đổi, bản thân cháu H và cháu T là con chung của vợ chồng cũng khẳng định anh LKT thường có hành vi đánh chửi chị LTT và các cháu, quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp. Từ tháng 9/2018 chị LTT và các cháu đã bỏ đi và thuê nhà để ở riêng, không sống cùng anh LKT, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, anh LKT có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh LKT không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, sau khi đã làm bản tự khai, tham gia hòa giải lần đầu, nhiều lần sau đó Tòa án triệu tập nhưng

anh không đến, hiện nay anh LKT cũng không có mặt tại địa phương mà đi làm ăn ở đâu chính quyền địa phương cũng không biết, quá trình làm việc và tại phiên tòa chị LTT vẫn tha thiết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị LTT được ly hôn anh LKT.

[3] Về con chung: Chị LTT và anh LKT có 02 con chung là cháu H sinh ngày 30/6/2002 và cháu T, sinh ngày 01/7/2004, các cháu đang ở cùng chị LTT. Xét trên tình hình thực tế về khả năng nuôi dưỡng con chung của chị LTT và anh LKT, cũng như để đảm bảo cho các cháu ổn định trong sinh hoạt và học tập, tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị LTT, giao cả hai cháu T và H cho chị LTT trực tiếp nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết chị LTT yêu cầu anh LKT phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, nhưng tại phiên tòa chị LTT không yêu cầu anh LKT phải cấp dưỡng, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị LTT phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị LTT được ly hôn anh LKT.

2. Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 30/6/2002 và cháu T, sinh ngày 01/7/2004 cho chị LTT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh LKT.

Anh LKT có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị LTT phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2015/0003105 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. (Chị Thảo đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Thảo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh LKT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng